**I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | 5  1,25 |  |  | 1  1,0 |  |  |  |  | **3,5** |
| ***Các phép tính với phân số*** |  |  |  |  |  | 1  1,0 | 1  0,25 |  |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | 2  0,5 |  | 2  0, 5 |  |  | 1  1,0 | 1  0,25 | 1  0,5 | **2,5** |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | 2  0,5 |  |  |  |  |  |  |  | **1,75** |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | 2  0,5 | 1  0,5 |  |  |  |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | 1  0,25 |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** |  |  |  |  |  |  |  |  | **0,5** |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | 1  0,25 |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** |  |  | 1  0,25 |  |  |  |  |  | **0,25** |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | 1  0,25 |  | 1  0,25 | 2  1,0 |  |  |  |  | **1,5** |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | **14** | **2** | **4** | **3** |  | **2** | **2** | **1** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân số**  (14 tiết) | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:***  1. Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  2. Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.  3. Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  4. Nhận biết được số đối của một phân số.  5. Nhận biết được hỗn số dương. | 5 TN1 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  6. So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1TL |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***  7. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  8.Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  9. Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  10. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | 1TL |  |
| ***Vận dụng cao:***  11. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  | 1TN |
| **2** | **Số thập phân**  (10 tiết) | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:***  12. Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | 2TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  13. So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 2TN |  |  |
| ***Vận dụng:***  14. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.  15.Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  16. Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  17. Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  18. Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  19. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 1TL |  |
|  | ***Vận dụng cao:***  20. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm |  |  |  | 1TN  +1TL |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**  (18 tiết) | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***  21. Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  22. Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  23.Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  24.Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  25. Nhận biết được khái niệm tia. | 2TN |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***  26.Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 2TN  +1TL |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***  27. Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  28. Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  29.Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 1TN |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | ***Nhận biết:***  30. Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  31. Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. |  |  |  |  |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | ***Nhận biết:***  32. Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  33. Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 1TN |  |  |
| ***Vận dụng:***  34. Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Nhận biết:***  35. Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  36. Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 1TN |  |  |
| ***Vận dụng:***  37. Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:***  38.Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  39. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 1TN  +2TL |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:***  40. Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | 14 | 7 | 3 | 3 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 40% | 30% | 20% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 70% | | 30% | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN 6**

**ĐỀ SỐ 01 KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**Câu 1: (NB-1)** Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.**   

**Câu 2:** **(NB-3)** Nhân cả tử số và mẫu số của phân số với số nào để được phân số ?

**A.**.      **B.** .      **C.**.      **D.** .

**Câu 3:****(NB-2***)* Phân số nào dưới đây bằng với phân số .

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 4:****(NB-2***)* Chọn câu sai?

**A. . B. . C. . D. .**

**Câu 5:** **(TH-6)** Số nguyên x thỏa mãn là:

**A. . B.. C. . D. .**

**Câu 6:** **(NB-5)** Trong các số sau, số nào là hỗn số?

**A. .** **B. .** **C. .** **D. .**

**Câu 7:** **(NB-12)** Số đối của số thập phân - 2022,5 là :

**A. .** **B. . C. .** **D. .**

**Câu 8:** **(VDC-11)** Cho tổng sau: . Kết quả của tổng  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 9. (NB-12)** Số đối của số thập phân **-12,34** là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**Câu 10. (TH-13)** Sắp xếp các số thập phân sau **-5,9; 0,8; -7,3; 1,2; 3,41** theo thứ tự tăng dần, ta được:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** -5,9; -7,3; 0,8; 1,2; 3,41. | **B.** 3,41; 1,2; 0,8; -5,9; -7,3. |
| **C.** -7,3; -5,9; 1,2; 3,41; 0,8. | **D.** -7,3; -5,9; 0,8; 1,2; 3,41. |

#### Câu 11. (NB-21) Khẳng định nào sau đây sai?

**A.** Một điểm có thể thuộc đồng thời nhiều đường thẳng.

**B.** Với một đường thẳng a cho trước, có những điểm thuộc a và có những điểm không thuộc a.

**C.** Trên đường thẳng chỉ có một điểm.

**D.** Một điểm có thể thuộc đồng thời hai đường thẳng.

**Câu 12. (VDC-20)** Mẹ Linh gửi tiết kiệm 2 triệu đồng tại một ngân hàng theo thể thức “ có kì hạn 24 tháng” với lãi suất 0,52% một tháng ( tiền lãi mỗi tháng bằng 0,52% số tiền gửi ban đầu và sau 24 tháng mới được lấy lãi. Hỏi hết kì hạn 24 tháng , mẹ Linh lấy ra được bao nhiêu tiền lãi?.

**A.** 2249600 đồng **B**. 249600 đồng **C.** 2010400 đồng **D.** 2124000 đồng

**Câu 13. (NB-21)**Đường thẳng  **không** chứa điểm nào?

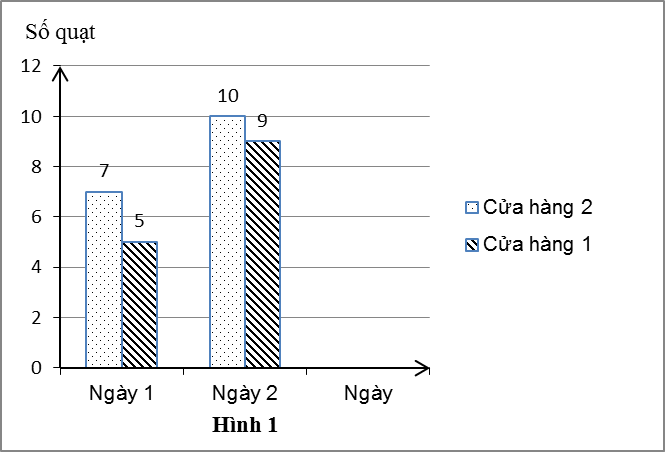
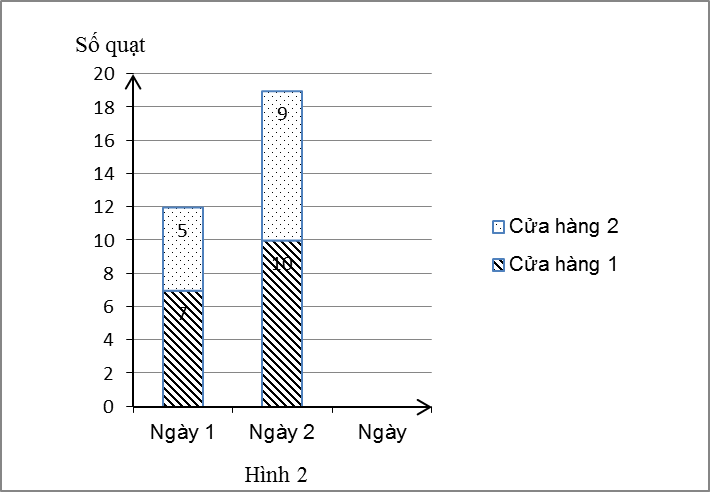


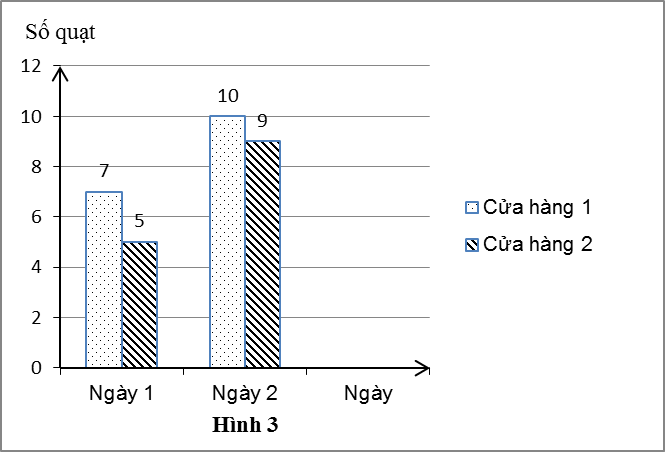
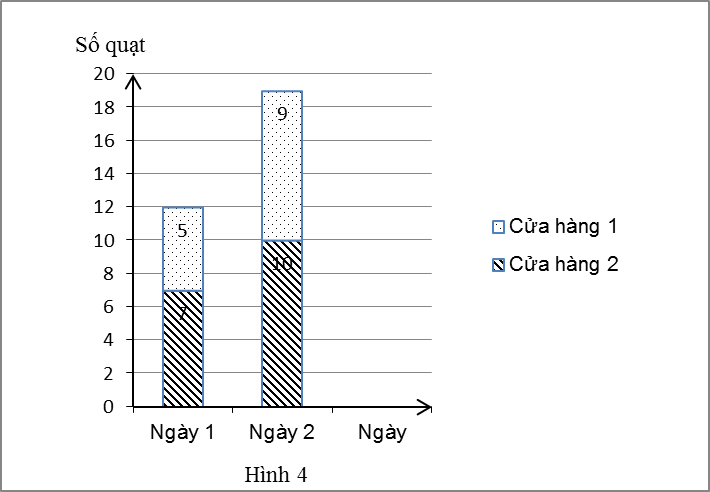
**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 14.** **(TH-33)** Cho bảng thống kê số quạt bán ra trong hai ngày của hai cửa hàng kinh doanh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ngày 1 | Ngày 2 |
| Cửa hàng 1 | 7 | 10 |
| Cửa hàng 2 | 5 | 9 |

Biểu đồ cột kép biểu diễn số quạt bán ra trong hai ngày của hai cửa hàng kinh doanh vẽ đúng là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Hình 1. | **B.** Hình 2. | **C.** Hình 3. | **D.** Hình 4. |

**Câu 15. (NB-26)** Điểm **M** là trung điểm của đoạn thẳng **AB** khi:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. M nằm giữa A, B và MA = MB. 2. MA = MB. | 1. M nằm giữa A và B. 2. MA = AB |

**Câu 16. (NB-26)** Đoạn thẳng MN dài 10cm. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng MN. Khi đó, đoạn thẳng MI dài:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 5cm. | **B.** 5dm. | **C.** 2,5cm. | **D.** 2,5dm. |

**Câu 17.(NB-28)** Góc có số đo bằng **900** là góc:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** bẹt. | **B.** vuông. | **C.** nhọn. | **D.** tù. |

**Câu 18. (NB-38)** Khả năng mặt sấp xuất hiện khi tung đồng xu là bao nhiêu?

**A.  B.  C.  D. **

**Câu 19. (TH-39)** Khả năng lấy được quả bóng màu đỏ trong hộp kín đựng 3 quả bóng (1 bóng xanh, 1 bóng vàng, 1 bóng đỏ) là bao nhiêu?

**Câu 20. (NB-32)** Biểu đồ tranh sau đây nói về số ngôi sao vẽ được của 4 tổ trong

cùng một thời gian.



Dựa vào biểu đồ trên hãy cho biết, tổng số ngôi sao vẽ được của 4 tổ là bao nhiêu?

**A .** . **B .**   **C .** . **D .** 

**II. Tự luận ( 5 điểm)**

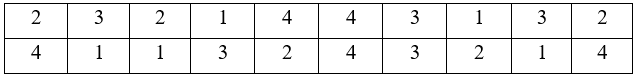
**Câu 1** *(2,0 điểm)*.

1) **(TH-6)** So sánh :  và 

2) **(VD-8)** Tính hợp lí : 

**Câu 2 (TH-39)** *(1,0 điểm)*

Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo nhắm mắt lấy ra 1 thẻ từ hộp, ghi số rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, Thảo được bảng kết quả như sau:



Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện: Thảo lấy được thẻ ghi số chẵn.

**Câu 3 (VD-19)***(1,0 điểm).* Một lớp có 40 học sinh xếp loại học lực gồm ba loại: Giỏi, Khá, Trung bình và khong có loại Yếu. Số học sinh Giỏi chiếm  số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng  số học sinh còn lại. Tính tỉ số phần trăm số học sinh Khá so với cả lớp?

**Câu 4: (NB-26)** *(0,5 điểm)* Cho đoạn thẳng AB dài 6cm. Trên đoạn thẳng AB lấy điểm M sao cho AM = 2cm. Độ dài đoạn thẳng MB bằng bao nhiêu? Vì sao?

**Câu 4. (VDC-20)** *(0,5 điểm )* Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm?

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ 01**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM** *(5,0 điểm)*

Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |  | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **B** |  | **11** | **C** |
| **2** | **C** |  | **12** | **B** |
| **3** | **B** |  | **13** | **A** |
| **4** | **C** |  | **14** | **C** |
| **5** | **A** |  | **15** | **A** |
| **6** | **C** |  | **16** | **A** |
| **7** | **D** |  | **17** | **B** |
| **8** | **A** |  | **18** | **C** |
| **9** | **C** |  | **19** | **D** |
| **10** | **D** |  | **20** | **B** |

**Phần I. TỰ LUẬN** *(5,0 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| **Câu** | | **Hướng dẫn, tóm tắt lời giải** | | **Điểm** |
| **Câu 1** | |  | | **(2,0điểm)** |
| **a)**  (1,0 điểm) | | Ta có: | | 0,5 |
| Vì  hay | | 0,25 |
| Vậy … | | 0,25 |
| **b)**  (1,0 điểm) | |  | | 0,5  0, 5 |
|  | |
| **Câu 2** | |  | | **(1,0điểm)** |
| 1,0 điểm | | Số lần Thảo lấy được thẻ ghi số chẵn trong 20 lần thử là 10 | | 0,5 |
|  | | Vậy xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số chẵn” trong 20 lần thử là: | | 0,5 |
| **Câu 3** | |  | | **(1,0điểm)** |
| 1,0 điểm | | Số học sinh Giỏi là: (học sinh)  Số học sinh còn lại là: (học sinh) | | 0, 25 |
| Số học sinh Trung bình là: (học sinh) | | 0,25 |
| Số khọc sinh Khá là: (học sinh)  Tỉ số phần trăm số học sinh Khá so với cả lớp là: | | 0,5 |
| **Câu 4** | |  | | **(0,5điểm)** |
| 0,5điểm | |  | | 0,5 |
| Điểm M nằm giữa hai điểm A và B ta có:  Thay số: (cm)  Vậy cm | |
| **Câu 5** | | Giá điện tháng 9 bằng 100% - 10% = 90% giá điện tháng 8  Giá điện tháng 10 bằng 100% + 10% = 110% giá điện tháng 9  Do đó giá điện tháng 10 bằng 110%.90% = 99% giá điện tháng 8  Vậy giá điện tháng 10 thấp hơn giá điện tháng 8 là 1% | | 0,25  0,25 |

**ĐỀ SỐ 02 KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**Câu 1: (NB-1)** Viết phân số âm bẩy phần mười hai.

**A.**  **B.**  **C.** . **D.** .

**Câu 2.(NB-2)** Phân số nào dưới đây bằng với phân số ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 3.(NB-3)** Nhân cả tử số và mẫu số của phân số với số nào để được phân số 

**A.**.      **B.** .      **C.** .      **D.** .

**Câu 4. (NB-4)** Phân số nào dưới đây là Phân số đối của phân số 

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 5.(NB-5)** Trong các số sau, đâu là hỗn số?

**A. .** **B. .** **C. .** **D. .**

**Câu 6.(NB-12)** Số nào sau đây là số thập phân âm?

**A.** –3,2. **B.** 3,2. **C.** . **D.** .

**Câu 7.(NB-12)** Làm tròn số 52,069 5 đến hàng phần trăm ta được kết quả là:

**A.** 52,06. **B.** 52,09. **C.** 52,08. **D.** 52,07.

**Câu 8:(TH-13)** So sánh hai số thập phân sau : -445,56 và -445,6?

**A.** -445,56 > -445,6. **B.** -445,56 < -445,6. **C.** -445,56 = -445,6. **D.** -445,56-445,6.

#### Câu 9:(NB-21) Cho hình vẽ sau

|  |
| --- |
|  |

Hãy chọn câu **Sai?**

**A.** . **B.** . **C.**. **D.** .

#### Câu 10:(NB-23) Kể tên bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây.

|  |
| --- |
|  |

**A.** và **.** **B. ** và **.**

**C. ** và **.** **D. ** và **.**

#### Câu 11:(NB-26) Trong hình vẽ dưới có bao nhiêu đoạn thẳng?



**A.. B.. C. D..**

#### Câu 12:(NB-26) Cho trong đó điểm nằm giữa hai điểmthì:

**A. . B. .**

**C. . D. .**

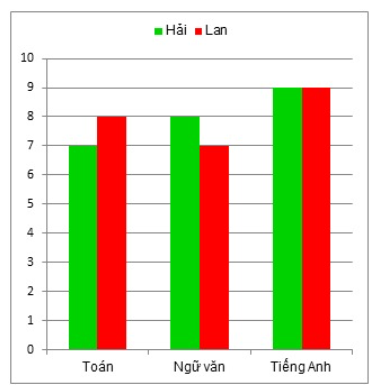
**Câu 13:(NB-32)** Một nhóm bạn thân gồm 6 người đi đến một quán trà chanh và mua các loại nước uống và các loại nước uống được ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nước cam | Nước dưa hấu | Nước chanh | Nước dứa | Nước cam | Nước dưa hấu |

Có bao nhiêu loại nước được mua?

**A.** 5. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 14:(TH-33)** Cho biểu đồ cột kép điểm học kì 1 của bạn Hải và bạn Lan như sau:



Điểm môn Ngữ văn của bạn Lan là bao nhiêu?

**A.**8**. B.**6. **C.**7**. D.**9.

#### Câu 15:(NB-38) Khi tung một đồng xu cân đối và quan sát mặt xuất hiện của nó. Có thể xảy ra mấy kết quả?

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

#### Câu 16:(TH-39) An vinh dự được đại diện Việt Nam thi đấu trong vòng loại cờ vua quốc tế. Các kết quả thi đấu có thể xảy ra là

**A.** Thắng. **B.** Thua. **C.** Hòa. **D.** Tất cả đều đúng.

#### Câu 17:(TH-36) Biểu tranh ở bên biểu diễn số máy cày của 5 xã A, B, C, D, E. Tổng số máy cày của năm xã đó là:

**A.**. **B.**.

**C.**. **D.**.

**Câu 18: (NB-29)** Ta coi kim giờ và kim phút của đồng hồ là hai tia chung gốc. Số đo góc tạo bởi kim giờ và kim phút lúc đồng hồ chỉ đúng 2 giờ là

**A.** 150°. **B.** 60°. **C.** 90°. **D.** 30o.

**Câu 19: (VDC-11)** Bảo đọc hết quyển sách trong 4 ngày. Ngày thứ nhất đọc được  quyển sách, ngày thứ hai đọc được  quyển sách, ngày thứ ba đọc được  quyển sách. Chọn khẳng định đúng.

**A.**  Ngày thứ tư Bảo đọc được  quyển sách.

**B.**  Hai ngày đầu Bảo đọc được  quyển sách.

**C.**  Hai ngày đầu Bảo đọc được nhiều sách hơn hai ngày cuối cùng.

**D.**  Hai ngày cuối Bảo đọc được nhiều sách hơn hai ngày đầu.

**Câu 20: (VDC-20)** Sáng chủ nhật mẹ nhờ An đi siêu thị mua 1kg cà chua và 2 kg khoai tây. Biết 1kg cà chua giá 25000 đồng, 1kg khoai tây giá 18000 đồng. Khi thanh toán An phải trả thêm tiền thuế giá trị gia tăng VAT, được tính bằng 10% tổng số tiền hàng. Vây số tiền An phải trả là.

**A.**43000 đồng **B.** 61000 đồng **C.** 67100 đồng **D.** 60000 đồng

**II. Tự luận ( 5 điểm)**

**Câu 1** *(2,0 điểm)*.

1) **(TH-6)** Tìm *x* thỏa mãn : **

2) **(VD-8)** Thực hiện phép tính: 

**Câu 2 (TH-39)** *(1,0 điểm)* Trong một hộp có một số bút bi xanh và một số bút bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút từ hộp xem màu rồi trả lại vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 60 lần, ta được kết quả như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại bút | Bút bi xanh | Bút bi đỏ |
| Số lần | 48 | 12 |

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi xanh. Em hãy dự đoán xem trong hộp có loại bút bi nào nhiều hơn?

**Câu 3 (VD-19)***(1,0 điểm).* Bạn An đọc một cuốn sách dày 360 trang trong ba ngày. Ngày thứ nhất bạn đọc  tổng số trang sách. Ngày thứ hai bạn đọc được 40% số trang sách còn lại.

a) Hỏi ngày thứ ba bạn đọc được bao nhiêu trang sách?

b) Số trang bạn đọc trong ngày thứ ba chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số trang của cuốn sách?

**Câu 4: (NB-26)** *(0,5 điểm)* Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 8cm. Độ dài đoạn thẳng MB bằng bao nhiêu? Vì sao?

**Câu 4. (VDC-20)** *(0,5 điểm )* Mẹ An muốn bán  đàn gà đang nuôi gồm  con với giá đồng/con để mua một chiếc nồi cơm điện có giá là đồng và đang được khuyến mãi . Hỏi sau khi bán đàn gà, mẹ bạn An có đủ tiền mua nồi cơm điện không? Giải thích?

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ 02**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM** *(5,0 điểm)*

Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |  | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **C** |  | **11** | **A** |
| **2** | **B** |  | **12** | **A** |
| **3** | **A** |  | **13** | **B** |
| **4** | **C** |  | **14** | **C** |
| **5** | **C** |  | **15** | **B** |
| **6** | **A** |  | **16** | **D** |
| **7** | **D** |  | **17** | **A** |
| **8** | **A** |  | **18** | **B** |
| **9** | **C** |  | **19** | **C** |
| **10** | **C** |  | **20** | **C** |

**Phần I. TỰ LUẬN** *(5,0 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| **Câu** | | **Hướng dẫn, tóm tắt lời giải** | | **Điểm** |
| **Câu 1** | |  | | **(2,0điểm)** |
| **a)**  (1,0 điểm) | | Ta có: | | 0,5 |
|  | | 0,25 |
| Vậy … | | 0,25 |
| **b)**  (1,0 điểm) | |  | | 0,5  0, 5 |
|  | |
|  | |  | |
| **Câu 2** | |  | | **(1,0điểm)** |
| 1,0 điểm | | Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi xanh là: . | | 0,5 |
| Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút bi đỏ là: . | | 0,25 |
| Vì  nên ta có dự đoán trong hộp có loại bút bi xanh nhiều hơn bút bi đỏ. | | 0,25 |
| **Câu 3** | |  | | **(1,0điểm)** |
| 1,0 điểm | | Số trang sách ngày thứ nhất An đọc được là:  (trang) | | 0, 25 |
| Số trang sách ngày thứ hai An đọc được là:  (360 – 120). 40% = 96 (trang) | | 0,25 |
| Số trang sách ngày thứ ba An đọc được là:  240 - 96 = 144 (trang) | | 0,25 |
| Số trang sách An đọc trong ngày thứ ba chiếm:  (tổng số trang sách) | | 0,25 |
| **Câu 4** | |  | | **(0,5điểm)** |
| 0,5điểm | |  | | 0,5 |
| Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì: =(cm)  Vậy | |
| **Câu 5** | |  | | **(0,5điểm)** |
| 0,5 điểm | | Số tiền mẹ An bán gà là  (đồng)  Số tiền nồi cơm sau khi giảm giá là:  (đồng)  Vậy mẹ An mua được nồi cơm điện vì | | 0,25  0,25 |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**